

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HN

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108040061

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, ngõ 11, phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sách, truyện các loại; Bán lẻ văn phòng phẩm: bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ.                                      | 4761     |
| 2.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                           | 8510     |
| 3.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                          | 8520     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Việc chuẩn bị mặt bằng xây dựng. Cụ thể:<br>- Làm sạch mặt bằng xây dựng ;<br>- Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn... | 4312     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                            | 4322     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                             | 4329     |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                        | 4390     |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                                    | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc;<br>- Bán lẻ giày dép;<br>- Bán lẻ đồ da và giả da;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771        |
| 12. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8531(Chính) |
| 13. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532        |
| 14. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8551        |
| 15. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8552        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8559        |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng ; Khảo sát xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật ; Tư vấn đấu thầu | 7110        |
| 19. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4290        |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020        |
| 24. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1322        |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4774        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ hàng may sẵn lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                               | 4782 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649 |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động khí tượng thủy văn;<br>- Tư vấn lập quy hoạch bảo vệ môi trường; Tư vấn thực hiện đánh giá môi trường chiến lược ; Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường<br>- Dịch vụ quan trắc môi trường<br>- Dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai<br>- Thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước . | 7490 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.999.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ THU NGÀ | Số 24, Phố Lê Quý Đôn, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 89.955     | 899.550.000           | 45,000    | B7673507                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 89.955     | 899.550.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM VĂN TỶ      | Số 24, Phố Lê Quý Đôn, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 9.995      | 99.950.000            | 5,000     | 010426999                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 9.995      | 99.950.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                       |                                                                                                 |                   |        |             |        |              |  |
|---|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | BÙI MINH TRANG        | Số 7, ngõ 11, phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 95.952 | 959.520.000 | 48,000 | 151959131    |  |
|   |                       |                                                                                                 | Tổng số           | 95.952 | 959.520.000 | 48,000 |              |  |
| 4 | NGUYỄN THỊ MINH THÔNG | Phòng 2932, VP5 Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.999  | 19.990.000  | 1,000  | 034164004488 |  |
|   |                       |                                                                                                 | Tổng số           | 1.999  | 19.990.000  | 1,000  |              |  |
| 5 | VŨ VIỆT HỒNG          | Phòng 2932, VP5 Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.999  | 19.990.000  | 1,000  | 034060003395 |  |
|   |                       |                                                                                                 | Tổng số           | 1.999  | 19.990.000  | 1,000  |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI MINH TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151959131

Ngày cấp: 17/07/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 7, ngõ 11, phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 7, ngõ 11, phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội